

Số: /2023/QĐ-UBND

Hòa Bình, ngày tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bãi bỏ một số điều của Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường tỉnh, đường đô thị, đường huyện đường xã và đường chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Hòa Bình ban hành kèm theo Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hoà Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HOÀ BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 117/2021/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 04 năm 2019 của Chính phủ về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về Quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày

9 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về Quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về Quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về Quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ; Thông tư số 41/2021/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 228/TTr-SGTVT ngày 14 tháng 11 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi một số điều của Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường tỉnh, đường đô thị, đường huyện, đường xã và đường chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Hòa Bình ban hành kèm theo Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hoà Bình

1. Sửa đổi Điều 5 như sau:

“Điều 5. Nội dung công tác quản lý, khai thác công trình đường bộ

Nội dung công tác quản lý, khai thác công trình đường bộ thực hiện theo quy định tại Chương III, Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ (Đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 41/2021/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung

một số điều của Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 6 năm 2018 quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ”.

2. Sửa đổi khoản 2 Điều 9 như sau:

“2. Xử lý các hành vi vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được thực hiện theo Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012 (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020) và Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng) và thực hiện theo một số nội dung cụ thể sau:

a) Sở Giao thông vận tải chỉ đạo lực lượng Thanh tra giao thông, các nhà thầu quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện xử lý vi phạm theo quy định đối với phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông trên hệ thống đường tỉnh.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện xử lý vi phạm trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đối với đường huyện và đường đô thị trên địa bàn quản lý; chủ trì, phối hợp với lực lượng Công an, lực lượng Thanh tra giao thông, các nhà thầu quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ xử lý và các cơ quan, đơn vị liên quan, cưỡng chế, giải tỏa đối với các hành vi vi phạm trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đối với hệ thống đường tỉnh, đường huyện, đường xã trên địa bàn.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã xử lý vi phạm đối với toàn bộ kết cấu hạ tầng giao thông đường xã trên địa bàn; Chủ trì, phối hợp với lực lượng Công an, lực lượng Thanh tra giao thông, các nhà thầu quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ và các cơ quan, đơn vị liên quan xử lý vi phạm, tổ chức cưỡng chế, giải tỏa đối với các hành vi vi phạm do Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đối với hệ thống đường tỉnh, đường huyện, đường xã trên địa bàn và các trường hợp khác theo quy định”.

3. Sửa đổi Điều 11 như sau:

“Điều 11. Sử dụng, khai thác phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

1. Việc khai thác, sử dụng phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ tuân thủ theo Điều 26, Điều 28 của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; khoản 1 Điều 1 Nghị định số 117/2021/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Điều 10 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn

thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về Quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 9 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về Quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ) và Quy định này.

2. Dự án khu đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế, khu dân cư, khu thương mại dịch vụ và các công trình khác xây dựng dọc đường bộ phải xây dựng theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phải nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ và phải có hệ thống đường gom nối từ dự án vào các đường nhánh; trường hợp không có đường nhánh, được đấu nối trực tiếp đường gom vào đường tỉnh, nhưng phải thực hiện đúng vị trí điểm đấu nối được cấp có thẩm quyền phê duyệt đồng thời đảm bảo các điều kiện về an toàn giao thông khi đấu nối.

3. Đường gom phải nằm ngoài phạm vi hành lang an toàn đường bộ; đường gom được xây dựng theo hướng sử dụng cho một hoặc nhiều dự án liền kề.

Trường hợp đặc biệt do điều kiện địa hình, địa vật khó khăn hoặc không đủ quỹ đất, cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền theo phân cấp tại Điều 9 Quy định này xem xét, báo cáo cấp có thẩm quyền cho phép xây dựng đường gom nằm một phần hoặc hoàn toàn trong hành lang an toàn đường bộ.

4. Việc xây dựng các công trình quảng cáo trong hành lang an toàn đường bộ phải đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về Xây dựng, Quảng cáo và các quy định của pháp luật có liên quan, chỉ được thực hiện tạm thời khi điều kiện địa hình bên ngoài hành lang an toàn đường bộ không thực hiện được nhưng phải đảm bảo việc quảng cáo tạm thời không ảnh hưởng đến an toàn giao thông.

5. Đối với các dự án thủy điện, thủy lợi có tuyến tránh ngập và các dự án khác có tuyến tránh:

a) Kinh phí xây dựng tuyến tránh do chủ đầu tư dự án chịu trách nhiệm.

b) Chủ đầu tư dự án ngay từ bước lập dự án phải lấy ý kiến thỏa thuận bằng văn bản của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền theo phân cấp tại Điều 9 Quy định này và các cơ quan chuyên môn khác về hướng tuyến, quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật và các vấn đề khác có liên quan.”

c) Đối với đường chuyên dùng phải có ý kiến thỏa thuận của Chủ đầu tư, chủ sở hữu đường chuyên dùng”.

4. Sửa đổi điểm d khoản 4 Điều 13 như sau:

“d) Trường hợp phải đào cắt mặt đường để xây dựng công trình thiết yếu ngang qua đường bộ phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật sau: Phải xây dựng hầm, hào, hộp kỹ thuật, đường ống bao bảo vệ bên ngoài đáp ứng tiêu chuẩn thiết kế của tuyến đường; điểm trên cùng vỏ của kết cấu hầm, hào, hộp kỹ thuật, đường ống bao

bảo vệ bên ngoài phải thấp hơn đáy móng công trình đường bộ tối thiểu 0,3 mét nhưng không được cách mặt đường nhỏ hơn 1,0 mét; hầm, hào, hộp kỹ thuật phải có đủ không gian để đặt công trình thiết yếu và thực hiện công tác bảo trì công trình thiết yếu khi cần thiết, phải có quy trình vận hành khai thác, bảo trì công trình theo quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng”.

5. Sửa đổi Điều 14 như sau:

“Điều 14. Xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đang khai thác

1. Chủ đầu tư hoặc chủ sử dụng công trình thiết yếu phải có đơn đề nghị xây dựng công trình và hồ sơ thiết kế công trình thiết yếu (thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công), báo cáo kinh tế - kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (bản chính), bao gồm các thông tin về vị trí và lý trình công trình đường bộ tại nơi xây dựng công trình thiết yếu; bản vẽ thể hiện diện tích, kích thước công trình thiết yếu trên mặt bằng công trình đường bộ và trong phạm vi đất dành cho đường bộ; bản vẽ thể hiện mặt đứng và khoảng cách theo phương thẳng đứng từ công trình thiết yếu bên trên hoặc bên dưới đến bề mặt công trình đường bộ, khoảng cách theo phương ngang từ cột, tuyến đường dây, đường ống, bộ phận khác của công trình thiết yếu đến mép ngoài rãnh thoát nước dọc, mép mặt đường xe chạy hoặc mép ngoài cùng của mặt đường bộ; bộ phận công trình đường bộ phải đào, khoan khi xây dựng công trình thiết yếu; thiết kế kết cấu và biện pháp thi công hoàn trả công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ bị đào hoặc ảnh hưởng do thi công công trình thiết yếu, gửi đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền để được xem xét cấp phép thi công.

2. Thẩm quyền cấp phép thi công

a) Cơ quan quản lý đường bộ theo phân cấp tại khoản 1 Điều 9 Quy định này là cơ quan có thẩm quyền cấp phép thi công công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với các tuyến đường thuộc thẩm quyền quản lý theo phân cấp.

b) Đối với đường đô thị thực hiện theo Quyết định số 03/2014/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình ban hành Quy định về quản lý và sử dụng tạm thời một phần lòng đường, hè phố không vì mục đích giao thông trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 03/2016/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quản lý và sử dụng tạm thời một phần lòng đường, hè phố không vì mục đích giao thông trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 03/2014/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình.

3. Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người được giao quản lý, sử dụng công trình thiết yếu tuân thủ theo Điều 15 Thông tư số 50/2015/TT-

BGTVT (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 8 Điều 1 Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT)”.

6. Sửa đổi Điều 18 như sau:

“ Điều 18. Đầu nối đường nhánh vào đường tỉnh

1. Đường nhánh đầu nối vào đường tỉnh bao gồm:

a) Đường đô thị, đường huyện, đường xã.

b) Đường từ các khu vực, công trình phục vụ quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội.

c) Đường chuyên dùng: Đường lâm nghiệp; đường khai thác mỏ; đường phục vụ thi công; đường khu, cụm công nghiệp; đường nối trực tiếp từ công trình đơn lẻ (trừ nhà ở riêng lẻ).

d) Đường gom, đường nối từ đường gom.

2. Nguyên tắc đầu nối vào đường tỉnh

a) Việc đầu nối vào đường tỉnh phải phù hợp với các quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Không đầu nối trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của cầu, hầm đường bộ, cầu phao đường bộ, bến phà đường bộ.

đ) Không đầu nối, sử dụng chung nút giao đường sắt với đường tỉnh.

3. Yêu cầu đầu nối vào đường tỉnh

a) Đảm bảo khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối như sau:

- Đối với đoạn tuyến đường tỉnh nằm trong phạm vi địa giới hành chính của nội thành, nội thị (phường, thị trấn), khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối không nhỏ hơn trị số tối thiểu giữa hai đường theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- Đối với đoạn tuyến đường tỉnh nằm ngoài khu vực nội thành, nội thị, khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối như sau:

+ Đối với các tuyến đường tỉnh không có dải phân cách giữa, khoảng cách giữa các điểm đầu nối liền kề cùng phía dọc theo một bên tuyến được xác định theo cấp quy hoạch của đoạn tuyến đường tỉnh, cụ thể như sau: Đối với đường cấp III không nhỏ hơn 1.000 mét, đối với đường cấp IV không nhỏ hơn 500 mét”, đối với đường cấp V trở xuống không nhỏ hơn 300 mét.

+ Đối với các tuyến đường tỉnh có dải phân cách giữa, khoảng cách giữa các điểm đầu nối liền kề cùng phía dọc theo một bên tuyến được xác định theo cấp quy hoạch của đoạn tuyến đường tỉnh, cụ thể như sau: Đối với tuyến đường cấp I, cấp II không nhỏ hơn 1.000 mét; đường cấp III trở xuống không nhỏ hơn 500 mét.

b) Có đủ quỹ đất để thiết kế, xây dựng làn chuyển tốc, làn dừng xe chờ rẽ trái và các yêu cầu kỹ thuật khác của nút giao theo yêu cầu của tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô hiện hành.

c) Không đầu nối vào bụng đường cong nằm có bán kính đường cong nhỏ hơn bán kính đường cong tối thiểu thông thường theo cấp đường quy hoạch; lưng đường cong có bố trí siêu cao; trong đoạn đường dốc có độ dốc dọc lớn hơn độ dốc dọc lớn nhất theo cấp đường đang khai thác; trong khu vực địa hình không bảo đảm tầm nhìn lái xe.

4. Thiết kế nút giao đầu nối vào đường tỉnh phải tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành về yêu cầu thiết kế đường ô tô, đảm bảo an toàn giao thông và khả năng thông hành của tuyến đường.

5. Đầu nối đường nhánh vào dự án đường tỉnh được xây dựng mới hoặc nâng cấp, cải tạo nắn chỉnh tuyến hoặc xây dựng tuyến tránh, ngay từ bước lập dự án, chủ đầu tư hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án phải căn cứ Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, huyện, thành phố có dự án đi qua để xác định vị trí và quy mô các nút giao (*nút giao khác mức, nút giao đồng mức*) giữa các tuyến đường bộ hiện có với dự án đường tỉnh được xây dựng, xác định vị trí vào các trạm dịch vụ theo tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô; đồng thời gửi phương án thiết kế tuyến đến Ủy ban nhân dân cấp huyện xin ý kiến phê duyệt.

6. Đầu nối đường nhánh vào đường tỉnh đang khai thác: Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch phát triển giao thông vận tải của tỉnh và của địa phương để lập hồ sơ xác định các điểm đầu nối, xin ý kiến với Sở Giao thông vận tải và phê duyệt để triển khai thực hiện. Sở Giao thông vận tải chỉ chấp thuận thi công đầu nối đối với các vị trí đã được phê duyệt.

7. Chủ đầu tư công trình được giao sử dụng điểm đầu nối phải căn cứ tiêu chuẩn, yêu cầu thiết kế đường ô tô hiện hành để lập và gửi hồ sơ đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền xem xét chấp thuận thiết kế kỹ thuật, phương án tổ chức giao thông của điểm đầu nối vào đường tỉnh, để cấp phép thi công.

8. Trường hợp sử dụng chung điểm đầu nối, chỉ áp dụng cho một công trình, dự án cùng phía tiếp giáp trực tiếp với đường nhánh của nút giao điểm đầu nối hiện hữu, không làm phát sinh điểm đầu nối mới. Sở Giao thông vận tải quyết định việc sử dụng chung điểm đầu nối hiện hữu vào đường tỉnh. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng chung điểm đầu nối phải thực hiện cải tạo nút giao sau khi được Sở Giao thông vận tải chấp thuận thiết kế kỹ thuật và cấp phép thi công theo quy định”.

7. Sửa đổi Điều 19 như sau:

“Điều 19. Đầu nối đường nhánh vào đường huyện, đường chuyên dùng, đường đô thị, đường xã

1. Việc đầu nối đường nhánh vào đường huyện, đường chuyên dùng phải được cơ quan quản lý đường huyện, đường chuyên dùng, đường xã có thẩm quyền chấp thuận thiết kế kỹ thuật và cấp phép thi công theo quy định.

Cơ quan có thẩm quyền cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường huyện là Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường chuyên dùng, đường đô thị là cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao quản lý đường chuyên dùng, đường đô thị.

2. Việc đầu nối đường nhánh vào đường xã phải được Ủy ban nhân dân cấp xã thoả thuận đồng thời phải đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật, an toàn giao thông và không ảnh hưởng đến bền vững kết cấu công trình”.

8. Sửa đổi Điều 20 như sau:

“ Điều 20. Xác định các điểm đầu nối vào đường tỉnh

Việc xác định các điểm đầu nối bao gồm: Xác định vị trí, hình thức giao cắt giữa đường tỉnh với các đường nhánh để lập phương án tổ chức giao thông và xây dựng nút nhằm bảo đảm giao thông an toàn, thông suốt và bảo vệ công trình đường bộ. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm giao cho đơn vị tư vấn có đủ năng lực lập hồ sơ xác định các điểm đầu nối vào đường tỉnh trên địa bàn huyện, trước khi trình Sở Giao thông vận tải để được cho ý kiến về các vấn đề liên quan. Việc xác định các điểm đầu nối được thực hiện cho tất cả các tuyến đường tỉnh hoặc riêng từng tuyến đường tỉnh đi qua địa bàn huyện. Việc thực hiện xác định các điểm đầu nối vào đường tỉnh thực hiện như sau:

1. Thu thập thông tin về cấp kỹ thuật hiện tại và cấp kỹ thuật theo quy hoạch của đường tỉnh cần đầu nối.

2. Khảo sát, thống kê

a) Các đường nhánh hiện có theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 18 Quy định này. Xác định các điểm đầu nối đường nhánh đã được và chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp phép; các vị trí điểm đầu nối phù hợp với quy định về nút giao thông của Tiêu chuẩn hiện hành về yêu cầu thiết kế đường ô tô.

b) Thống kê các đoạn tuyến đường tỉnh trong đô thị (phường, thị trấn), ngoài đô thị; tổng hợp các đoạn tuyến không đủ quỹ đất để xây dựng đường gom, các công trình và điều kiện địa hình cản trở việc xây dựng đường gom liên tục theo chiều dài đường tỉnh.

c) Các đường nhánh có mặt cắt ngang nhỏ hơn hoặc bằng 2,5m (*hai mét năm mươi*) chỉ sử dụng cho xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ đã đầu nối tự phát vào đường tỉnh trước ngày Nghị định số 186/2004/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ có hiệu lực, chưa có nhu cầu cải tạo, mở rộng điểm đầu nối vào đường tỉnh phải thực hiện xóa bỏ theo Khoản 1, Điều 22 Quy định này.

3. Lấy ý kiến của các cơ quan chức năng địa phương về sự phù hợp với các quy hoạch có liên quan và quỹ đất đất xây dựng đường gom.

4. Mỗi tuyến đường tỉnh được lập riêng một bộ hồ sơ xác định các điểm đầu nối để thuận tiện cho việc theo dõi, quản lý. Hồ sơ xác định các điểm đầu nối gồm:

a) Thuyết minh

Tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và khu vực hai bên đường tỉnh được xác định các điểm đầu nối.

Hiện trạng của tuyến đường tỉnh: cấp đường, điểm đầu, điểm cuối các vị trí đặc biệt (*như khu vực nội thành, nội thị, cầu lớn, hầm đường bộ, điểm giao cắt với đường sắt....*); tình hình sử dụng hành lang an toàn đường bộ và an toàn giao thông trên đoạn tuyến; các thông tin về quy hoạch của tuyến đường.

Bản giải trình lý do các đường gom nằm trong hành lang an toàn đường bộ; lý do các điểm đầu nối được xác định nhưng không đảm bảo khoảng cách tối thiểu giữa hai điểm đầu nối theo quy định; lộ trình xóa bỏ các đường nhánh có mặt cắt ngang nhỏ hơn hoặc bằng 2,5m.

Quy hoạch phát triển đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thuộc các đô thị có đường tỉnh đi qua (*nếu có*).

Ý kiến của Sở Giao thông vận tải đối với nội dung của hồ sơ xác định các điểm đầu nối.

b) Tổng hợp các điểm đầu nối:

Bảng tổng hợp gồm một số nội dung cơ bản về hiện trạng và xác định vị trí, hình thức giao cắt của điểm đầu nối; về hiện trạng và xác định vị trí, quy mô của đường gom.

Bình đồ thể hiện các nội dung của bảng tổng hợp.

5. Cho ý kiến vào hồ sơ xác định các điểm đầu nối

Sở Giao thông vận tải nghiên cứu hồ sơ xác định các điểm đầu nối của Ủy ban nhân dân cấp huyện để xem xét có ý kiến theo quy định; Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi văn bản đề nghị cho ý kiến kèm theo 01 (*một*) bộ hồ sơ xác định các điểm đầu nối (*cả File điện tử của hồ sơ xác định các điểm đầu nối*) về Sở Giao thông vận tải”.

9. Sửa đổi Điều 21 như sau:

“Điều 21. Quyết định điểm đầu nối

1. Căn cứ văn bản tham gia ý kiến của Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt các điểm đầu nối, công bố và tổ chức thực hiện; gửi Quyết định phê duyệt các điểm đầu nối đã được phê duyệt về Sở Giao thông vận tải để phối hợp thực hiện.

2. Khi cần xây dựng mới hoặc cải tạo, mở rộng điểm đầu nối đã được phê duyệt, căn cứ văn bản cho phép sử dụng điểm đầu nối của Ủy ban nhân dân cấp huyện, tổ chức, cá nhân sử dụng điểm đầu nối đề nghị cơ quan có thẩm quyền chấp thuận thiết kế và cấp phép thi công.

3. Sau khi xây dựng mới hoặc cải tạo, mở rộng các điểm đầu nối được phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp huyện phải xóa bỏ các điểm không đảm bảo khoảng cách tối thiểu ở lân cận điểm đầu nối đó.

4. Khi cần điều chỉnh quyết định phê duyệt các điểm đầu nối, Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi hồ sơ xác định các điểm đầu nối điều chỉnh về Sở Giao thông vận tải để xem xét, cho ý kiến trước khi quyết định phê duyệt điều chỉnh.

5. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu thi công nút giao đầu nối có công văn đề nghị thỏa thuận thiết kế và lập phương án thiết kế (thiết kế kỹ thuật, phương án tổ chức giao thông của nút giao, trong đó có biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) gửi đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1, Điều 9 để được thỏa thuận các vấn đề có liên quan. Sau khi thực hiện các điều thỏa thuận, tiến hành đề nghị cơ quan có thẩm quyền thỏa thuận thi công.

6. Nút giao phải được cơ quan có quản lý đường bộ có thẩm quyền thỏa thuận thi công nghiệm thu và chấp thuận đưa vào khai thác, sử dụng.

7. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về chất lượng công trình nút giao ảnh hưởng đến an toàn giao thông, bền vững kết cấu công trình đường bộ đồng thời nộp 01 bộ hồ sơ hoàn công đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền để lưu trữ và bổ sung, cập nhật nút giao vào hồ sơ quản lý tuyến đường.

8. Chủ sử dụng nút giao chịu trách nhiệm bảo trì nút giao, việc bảo dưỡng thường xuyên nút giao không phải đề nghị cấp phép thi công nhưng phải thực hiện nghiêm công tác đảm bảo an toàn giao thông và chịu trách nhiệm nếu để xảy ra tai nạn giao thông.

9. Đối với dự án, công trình xây dựng do điều kiện địa hình trong khu vực khó khăn, hoặc điều kiện kỹ thuật của thiết bị, cho phép mở điểm đầu nối tạm thời có thời hạn để làm đường công vụ vận chuyển nguyên vật liệu, vận chuyển thiết bị máy móc. Chủ công trình, dự án phải căn cứ quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành và yêu cầu thiết kế đường ô tô hiện hành để lập và gửi kèm công văn đề nghị cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền chấp thuận thiết kế, phương án tổ chức giao thông của điểm đầu nối vào đường bộ để được chấp thuận theo quy định. Sau khi thực hiện chấp thuận thiết kế, tiến hành đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp phép thi công. Khi thi công xong, chủ công trình, dự án phải có trách nhiệm hoàn trả nguyên trạng hành lang an toàn đường bộ ban đầu”.

10. Sửa đổi điều 22 như sau:

“ Điều 22. Giải quyết các tồn tại về sử dụng hành lang an toàn đường bộ

Giải quyết các tồn tại về sử dụng hành lang an toàn đường bộ thực hiện theo Điều 29 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT) ”.

11. Sửa đổi Khoản 5 Điều 37 như sau:

“5. Quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo Khoản 1, Điều 9 Quy định này; quản lý, lập hồ sơ xác định các điểm đầu nối trên địa bàn huyện vào đường tỉnh, lấy ý kiến của Sở Giao thông vận tải và ban hành quyết định phê duyệt các điểm đầu nối vào đường tỉnh”.

12. Sửa đổi khoản 1 Điều 40 như sau:

“1. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Thực hiện việc thẩm định chủ trương đầu tư phải tuân thủ đúng các quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ”.

Điều 2. Bãi bỏ Điều 6, Điều 7 của Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường tỉnh, đường đô thị, đường huyện, đường xã và đường chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Hòa Bình ban hành kèm theo Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2023.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ GTVT;
- Cục Kiểm tra VB QPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Trung tâm tin học - Công báo tỉnh;
- Chánh VP, Phó Chánh VP/UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN (Ng. K)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Bùi Văn Khánh